

**TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THUY LỢI  
DO CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CTTI ĐẮK NÔNG QUẢN LÝ**

**Ngày cập nhật:** Ngày 14 tháng 3 năm 2018

| TT         | Công trình/ Khu tưới       | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích hữu ích (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Mức nước hiện tại so với MNDBT (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước | Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước |
|------------|----------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Thị xã Gia Nghĩa</b>    |                        |                          | <b>6.423,200</b>                                    |                                    | <b>5.820,400</b>                                     | <b>90,62</b>                                     |                                         |                                       |
| 1          | Hồ Nam Dạ                  | Đắk Nia                | 8,20                     | 1.082,400                                           | -0,43                              | 1.049,630                                            | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2          | Hồ Chê Biền                | Đắk Nia                | 4,00                     | 689,710                                             | -0,08                              | 655,710                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3          | Hồ Fai Kol Poul Đăng       | Đắk Nia                | 5,40                     | 400,000                                             | -0,85                              | 335,400                                              | 84                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4          | Hồ Đắk Noh (Đắk Đố)        | Đắk Nia                | 4,70                     | 426,600                                             | -0,90                              | 346,500                                              | 81                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5          | Hồ Đắk Cút                 | Đắk Nia                | 7,41                     | 790,100                                             | -1,25                              | 646,230                                              | 82                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6          | Hồ Thôn 2B                 | Đắk Nia                | 6,00                     | 330,690                                             | -0,35                              | 316,340                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7          | Hồ Đắk Rial                | Đắk Nia                | 8,40                     | 306,200                                             | -1,10                              | 241,300                                              | 79                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8          | Hồ Rẫy Mới                 | Quảng Thành            | 3,00                     | 102,500                                             | -1,65                              | 69,500                                               | 68                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9          | Hồ Tân Hiệp 1              | Đắk R'moan             | 5,50                     | 766,600                                             | -0,60                              | 724,060                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10         | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú      | Nghĩa Phú              | 5,10                     | 68,900                                              | -1,70                              | 32,330                                               | 47                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 11         | Hồ Sinh Ba                 | Nghĩa Trung            | 3,10                     | 249,500                                             | 0,03                               | 249,500                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12         | Hồ Tô 5                    | Nghĩa Trung            | 4,00                     | 300,000                                             | -0,65                              | 280,500                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13         | Hồ Tô 6                    | Nghĩa Trung            | 4,50                     | 305,000                                             | -0,60                              | 268,400                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14         | Hồ Đắk Nút                 | Nghĩa Đức              | 4,95                     | 605,000                                             | 0,00                               | 605,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Krông Nô</b>      |                        |                          | <b>22.234,310</b>                                   |                                    | <b>20.285,635</b>                                    | <b>91,24</b>                                     |                                         |                                       |
| 1          | Công trình thủy lợi Đắk Rồ | Đắk Đ'rô               | 18,00                    | 12.230,000                                          | -4,70                              | 11.113,747                                           | 91                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2          | Hồ Đắk Nang                | Đắk Nang               | 3,60                     | 3.600,000                                           | -0,35                              | 3.470,202                                            | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3          | Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)        | Nam Đà                 | 4,00                     | 3.264,920                                           | - 1,60                             | 2.864,138                                            | 88                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 4          | Hồ Đắk Hou                 | Nâm N'Dir              | 1,50                     | 456,900                                             | -0,40                              | 439,595                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5          | Hồ Đắk Pok                 | Nâm N'Dir              | 2,50                     | 846,000                                             | -0,60                              | 792,717                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6          | Hồ Đắk Mhang               | Nam Nung               | 2,00                     | 695,000                                             | -1,40                              | 586,986                                              | 84                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7          | Hồ Buôn Rcập               | Nam Nung               | 5,10                     | 598,520                                             | -2,10                              | 545,166                                              | 91                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 8          | Hồ Buôn Dơng               | Quảng Phú              | 3,17                     | 173,870                                             | -1,70                              | 146,020                                              | 84                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 9          | Hồ Buôn Lang               | Quảng Phú              | 7,10                     | 369,100                                             | -2,60                              | 327,064                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10         | Trạm bơm Đắk Rền           | Nâm N'Dir              |                          |                                                     |                                    |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
|            | - Trạm bơm số 1            | Nâm N'Dir              |                          |                                                     | 0,40                               |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
|            | - Trạm bơm số 1A           | Nâm N'Dir              |                          |                                                     | Kiệt                               |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
|            | - Trạm bơm số 2            | Nâm N'Dir              |                          |                                                     | 0,50                               |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
|            | - Trạm bơm số 3            | Nâm N'Dir              |                          |                                                     | 0,40                               |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
|            | - Trạm bơm số 4            | Nâm N'Dir              |                          |                                                     | Kiệt                               |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
|            | - Trạm bơm số 5            | Nâm N'Dir              |                          |                                                     | Kiệt                               |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                       |
| 11         | Trạm bơm Buôn Choách       | Buôn Choách            |                          |                                                     | 1,50                               |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12         | Trạm bơm D12 Buôn Suk      | Quảng Phú              |                          |                                                     | 0,80                               |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| <b>III</b> | <b>Huyện Đắk Song</b>      |                        |                          | <b>12.611,230</b>                                   |                                    | <b>11.339,140</b>                                    | <b>89,91</b>                                     |                                         |                                       |
| 1          | Hồ Đắk Toa                 | Thuận Hà               | 5,00                     | 1.717,660                                           | -0,70                              | 1.517,270                                            | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2          | Hồ Sinh Muồng              | Thuận Hạnh             | 3,00                     | 1.431,000                                           | -0,34                              | 1.309,370                                            | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3          | Hồ Đắk Kuăl                | Đắk N'Drung            | 7,77                     | 1.230,700                                           | -0,21                              | 1.197,990                                            | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4          | Đập Đắk Nhai               | Trường Xuân            | 8,01                     | 1.064,700                                           | -0,70                              | 975,980                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5          | Hồ Cư Prông                | Đắk Mol                | 5,00                     | 115,000                                             | -0,95                              | 93,580                                               | 81                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 6          | Hồ Đắk Mol                 | Đắk Mol                | 4,50                     | 759,000                                             | -0,40                              | 676,950                                              | 89                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 7          | Hồ Đắk RLon                | TĐ Đức An              | 8,80                     | 907,670                                             | -0,16                              | 892,050                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8          | Hồ Đắk Mruông              | TĐ Đức An              | 5,70                     | 321,500                                             | -2,70                              | 191,940                                              | 60                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 9          | CTTL Đắk Lép               | Nâm N'Jang             | 7,00                     | 641,800                                             | -0,60                              | 590,460                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10         | Thủy lợi Nâm N'Jang        | Nâm N'Jang             | 4,40                     | 563,950                                             | -0,25                              | 535,180                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 11         | Hồ Đắk Pông Bê             | Đắk N'DRung            | 6,80                     | 748,800                                             | -0,23                              | 725,210                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12         | Hồ Suối Đá                 | Đắk N'DRung            | 4,50                     | 252,000                                             | -0,39                              | 224,700                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13         | Hồ Thôn 2                  | Đắk N'DRung            | 4,20                     | 145,000                                             | -0,45                              | 112,380                                              | 78                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 14         | Hồ Thôn 5                  | Đắk N'DRung            | 3,20                     | 135,000                                             | -0,55                              | 102,000                                              | 76                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 15         | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)        | Đắk N'DRung            | 3,20                     | 114,000                                             | -0,62                              | 81,870                                               | 72                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 16         | Hồ Thuận Tân               | Thuận Hạnh             | 6,00                     | 262,000                                             | -1,15                              | 218,330                                              | 83                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 17         | Hồ Thuận Thành             | Thuận Hạnh             | 8,70                     | 742,600                                             | -0,60                              | 693,640                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18         | Hồ Đắk Mrung               | Thuận Hạnh             | 2,70                     | 479,950                                             | -0,32                              | 423,070                                              | 88                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 19         | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)    | Trường Xuân            | 4,70                     | 455,900                                             | -0,70                              | 389,410                                              | 85                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 20         | Hồ Thôn 3                  | Trường Xuân            | 5,30                     | 249,500                                             | -1,50                              | 184,090                                              | 74                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 21         | CTTL Đắk Cai               | Trường Xuân            | 3,90                     | 273,500                                             | -1,20                              | 203,670                                              | 74                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Tuy Đức</b>       |                        | -                        | <b>14.268,570</b>                                   |                                    | <b>11.567,339</b>                                    | <b>81,07</b>                                     |                                         |                                       |
| 1          | Hồ Đắk RTiê                | Đắk R'Tiê              | 6,00                     | 1.808,000                                           | -0,71                              | 1.745,429                                            | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2          | Hồ Đắk Buk So              | Đắk Buk Sor            | 3,53                     | 1.081,000                                           | -1,10                              | 968,588                                              | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3          | Hồ Đắk Ría                 | Đắk R'Tiê              | 3,60                     | 1.049,000                                           | -1,30                              | 923,036                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4          | Hồ Đắk Ké                  | Quảng Trục             | 4,70                     | 384,500                                             | -0,60                              | 372,711                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5          | Hồ Đắk Huýt                | Quảng Trục             | 8,40                     | 410,000                                             | -1,00                              | 386,280                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |

| TT | Công trình/ Khu tưới    | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích hữu ích (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Mức nước hiện tại so với MNDBT (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước | Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước |
|----|-------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|
| 6  | Hồ Đắc Bliêng           | Đắc R'Tiê              | 3,20                     | 759,000                                             | -0,50                              | 735,260                                              | 97                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 7  | Đập Bon Đắc Bu Lum      | Quảng Trục             | 5,50                     | 138,470                                             | -1,20                              | 126,740                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8  | Hồ Đắc Ké 2             | Quảng Trục             | 6,90                     | 403,700                                             | -1,60                              | 368,000                                              | 91                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 9  | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)    | Quảng Trục             | 5,00                     | 107,900                                             | -0,02                              | 107,000                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10 | Hồ Doãn Văn             | Đắc R'Tiê              | 3,90                     | 918,400                                             | -1,80                              | 810,151                                              | 88                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 11 | Đập Đắc Bu Rley         | Đắc R'Tiê              | 5,00                     | 125,290                                             | 0,00                               | 125,290                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12 | Hồ Đắc BLung            | Đắc Buk Sor            | 5,70                     | 562,280                                             | -0,70                              | 522,749                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13 | Đập Đắc Glun 1          | Đắc Ngo                | 7,13                     | 460,800                                             | -0,20                              | 454,040                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14 | Đập Đắc Glun 2          | Đắc Ngo                | 8,00                     | 460,800                                             | -0,20                              | 454,624                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 15 | Đập Đắc Glun 3          | Đắc Ngo                | 8,00                     | 562,500                                             | -0,20                              | 555,679                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16 | Đập Đắc Rma             | Đắc Buk Sor            | 3,90                     | 408,300                                             | -0,03                              | 406,000                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17 | Đập Đắc Huýt 4          | Quảng Trục             | 4,30                     | 477,830                                             | -0,60                              | 450,602                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18 | Đập D2                  | Quảng Trục             | 7,00                     | 815,000                                             | 0,00                               | 815,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 19 | Hồ Số 1                 | Đắc Ngo                | 4,58                     | 824,000                                             | -0,50                              |                                                      | -                                                | Đảm bảo                                 |                                       |
| 20 | Hồ Số 2                 | Đắc Ngo                | 48,39                    | 426,300                                             | -1,20                              |                                                      | -                                                | Đảm bảo                                 |                                       |
| 21 | Hồ Số 3                 | Đắc Ngo                | 5,06                     | 382,500                                             | -1,40                              |                                                      | -                                                | Đảm bảo                                 |                                       |
| 22 | Hồ Số 4                 | Đắc Ngo                | 5,00                     | 368,000                                             | -0,70                              |                                                      | -                                                | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23 | Hồ Đắc Tiên Tranh       | Đắc Buk So             | 4,10                     | 1.335,000                                           | -0,80                              | 1.240,160                                            | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| V  | <b>Huyện Đắc RLấp</b>   |                        |                          | <b>26.907,690</b>                                   |                                    | <b>25.144,380</b>                                    | <b>93,45</b>                                     |                                         |                                       |
| 1  | Hồ Đắc RTang            | Kiến Thành             | 4,00                     | 1.340,000                                           | -0,65                              | 1.253,340                                            | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2  | Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)     | Đắc Sin                | 3,80                     | 1.213,250                                           | -0,85                              | 1.113,280                                            | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3  | Hồ Cầu Tư               | Nghĩa Thắng            | 5,00                     | 7.960,000                                           | -2,80                              | 7.098,970                                            | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4  | Hồ Nhân Cơ              | Nhân Cơ                | 4,50                     | 452,000                                             | -0,50                              | 417,820                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5  | Đập Quảng Lộc           | Đạo Nghĩa              | 9,10                     | 1.103,000                                           | -0,20                              | 1.090,550                                            | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6  | Hồ Đắc Côn              | Đạo Nghĩa              | 4,80                     | 773,810                                             | -0,10                              | 763,230                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7  | Hồ Đắc Sinh (Hồ thôn 5) | Đắc Sin                | 3,50                     | 1.164,440                                           | 0,00                               | 1.164,440                                            | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8  | Thủy lợi Bàu Muối       | Nhân Đạo               | 4,84                     | 938,900                                             | -1,50                              | 843,000                                              | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9  | Hồ Đắc Nêr              | Nhân Đạo               | 6,10                     | 1.000,700                                           | -0,15                              | 990,410                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10 | Hồ Thôn 11              | Nhân Cơ                | 6,50                     | 461,300                                             | -0,20                              | 457,040                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 11 | Hồ Số 3                 | Nhân Cơ                | 5,40                     | 183,600                                             |                                    |                                                      | 0                                                | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12 | Hồ Thôn 12              | Nhân Cơ                | 6,50                     | 403,030                                             | -0,20                              | 397,223                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13 | Hồ Thôn 5               | Đắc Sin                | 4,80                     | 702,070                                             | -0,10                              | 696,627                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14 | Đập Thôn 5              | Đắc Sin                | 6,90                     | 745,000                                             | -0,60                              | 698,720                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 15 | Hồ Đắc Sin              | Đắc Sin                | 3,40                     | 686,060                                             | -0,45                              | 655,430                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16 | Hồ Đắc Blao             | TT Kiến Đức            | 4,00                     | 264,480                                             | -0,25                              | 253,298                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17 | Thủy lợi Đa Dung        | TT Kiến Đức            | 8,60                     | 289,400                                             | -0,60                              | 280,810                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18 | Hồ Đắc RMur             | Nhân Đạo               | 6,90                     | 764,350                                             | -0,65                              | 728,640                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 19 | Hồ Đắc Rsung            | Nhân Đạo               | 5,40                     | 494,000                                             | -0,05                              | 491,000                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 20 | Hồ Bon Pi Nao           | Nhân Đạo               | 6,77                     | 916,700                                             | -0,80                              | 860,490                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 21 | Hồ Sa Da Co             | Quảng Tín              | 6,00                     | 350,000                                             | -0,15                              | 347,773                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 22 | Hồ Thôn 9 Quảng Tín     | Quảng Tín              | 6,60                     | 517,000                                             | 0,00                               | 517,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23 | Thủy lợi Đắc Xá         | Quảng Tín              | 4,10                     | 408,100                                             | -0,70                              | 378,510                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 24 | Hồ Đắc Ru I             | Đắc Ru                 | 3,20                     | 422,000                                             | 0,00                               | 422,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 25 | Hồ Đắc Ru II            | Đắc Ru                 | 6,00                     | 458,900                                             | -0,80                              | 439,082                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 26 | Hồ Đắc Tát              | Hưng Bình              | 5,00                     | 544,000                                             | -0,80                              | 488,234                                              | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 27 | Đập thôn 8 Đắc Sin      | Hưng Bình              | 4,30                     | 418,100                                             | -0,50                              | 396,518                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 28 | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)  | Kiến Thành             | 6,60                     | 610,300                                             | -0,15                              | 603,350                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 29 | Hồ Thôn 2               | Quảng Tín              | 4,00                     | 120,000                                             | -0,05                              | 119,000                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 30 | Hồ Bon Bu Ja Rá         | Nghĩa Thắng            | 5,40                     | 494,000                                             | 0,07                               | 494,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 31 | Hồ Đắc Krung            | Đắc Wer                | 1,70                     | 532,000                                             | -0,15                              | 520,580                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 32 | Đập Đắc Jeng Tung       | Kiến Thành             | 5,50                     | 177,200                                             | -0,80                              | 164,02                                               | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| VI | <b>Huyện Đắc GLong</b>  |                        |                          | <b>11.656,600</b>                                   |                                    | <b>10.366,830</b>                                    | <b>88,94</b>                                     |                                         |                                       |
| 1  | Hồ Thủy điện            | Quảng Sơn              | 3,50                     | 1.200,000                                           | 0,02                               | 1.200,000                                            | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2  | Hồ Công ty 847          | Quảng Sơn              | 4,00                     | 1.098,450                                           | -0,80                              | 967,250                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3  | Hồ Đắc Hlang            | Quảng Khê              | 7,70                     | 524,170                                             | -0,80                              | 450,570                                              | 86                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4  | Hồ Trường Học           | Quảng Khê              | 2,50                     | 190,000                                             | 0,30                               | 190,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5  | Nao Ma A                | Quảng Khê              | 9,60                     | 568,800                                             | -1,10                              | 505,000                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6  | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đoi) | Quảng Khê              | 2,17                     | 410,300                                             | -0,03                              | 403,700                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7  | Hồ Thôn 4               | Quảng Khê              | 8,50                     | 356,320                                             | -0,60                              | 317,320                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8  | Hồ Đắc Srê              | Quảng Khê              | 4,30                     | 732,900                                             | -1,00                              | 545,900                                              | 74                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9  | Hồ Thôn 3               | Quảng Khê              | 2,00                     | 350,000                                             | 0,00                               | 350,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10 | CTTL Nder               | Quảng Khê              | 8,27                     |                                                     | -0,60                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 11 | Hồ Bās Rāi              | Quảng Khê              | 3,50                     |                                                     | -0,90                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12 | Hồ Bi Zê Rê             | Đắc Som                | 8,00                     | 332,700                                             | -0,80                              | 284,700                                              | 86                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13 | Hồ BĐong                | Đắc Som                | 2,50                     | 400,000                                             | -0,02                              | 397,200                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14 | Thủy lợi Thôn 5         | Đắc Som                | 8,40                     | 241,400                                             | -3,80                              | 85,600                                               | 35                                               | Đảm bảo                                 | Thiếu nước cuối vụ                    |
| 15 | Hồ Chum Ia              | Đắc Som                | 3,00                     |                                                     | -0,20                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16 | Hồ Thôn 1               | Đắc Ha                 | 7,80                     | 84,000                                              | -0,65                              | 71,000                                               | 85                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17 | Hồ Đắc Bông             | Đắc Ha                 | 8,10                     | 165,120                                             | -1,30                              | 124,820                                              | 76                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18 | Hồ Đắc Ha               | Đắc Ha                 | 8,00                     | 691,000                                             | -0,60                              | 646,000                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 19 | Hồ Đắc R'Tiêng          | Đắc Ha                 | 8,30                     | 169,340                                             | -0,60                              | 150,080                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 20 | Hồ Tráng Ba             | Đắc Ha                 | 4,50                     | 270,000                                             | -2,75                              | 189,000                                              | 70                                               | Đảm bảo                                 | Thiếu nước cuối vụ                    |
| 21 | Hồ Đắc Snao             | Đắc R'măng             | 2,90                     | 594,800                                             | -0,20                              | 549,400                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 22 | Hồ Đa Hang Lang         | Đắc R'măng             | 3,50                     |                                                     | -0,40                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23 | Hồ Đèo 52(Hồ 831)       | Quảng Sơn              | 6,50                     | 240,000                                             | -1,62                              | 150,740                                              | 63                                               | Đảm bảo                                 | Thiếu nước cuối vụ                    |

| TT                       | Công trình/ Khu tưới           | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích hữu ích (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Mức nước hiện tại so với MNDBT (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước | Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước |
|--------------------------|--------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|
| 24                       | Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)         | Quảng Sơn              | 3,00                     | 560,250                                             | -0,75                              | 484,500                                              | 86                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 25                       | Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)         | Quảng Sơn              | 7,90                     | 145,000                                             | -0,65                              | 85,200                                               | 59                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 26                       | Hồ Đắk Snao 3                  | Quảng Sơn              | 3,50                     | 620,520                                             | -0,05                              | 614,850                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 27                       | Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar          | Quảng Sơn              | 8,06                     | 625,500                                             | -0,10                              | 613,300                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 28                       | Thủy lợi Đắk Nder 2            | Quảng Sơn              | 3,80                     | 456,030                                             | -0,35                              | 396,600                                              | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 29                       | Hồ Km41                        | Quảng Sơn              | 2,50                     | 370,000                                             | -0,15                              | 345,700                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 30                       | Hồ Ba Trọng                    | Quảng Sơn              | 2,00                     | 260,000                                             | -0,20                              | 248,400                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| <b>VII Huyện Đắk Mil</b> |                                |                        |                          | <b>20.262,220</b>                                   |                                    | <b>15.044,430</b>                                    | <b>74,25</b>                                     |                                         |                                       |
| 1                        | Công trình hồ Đắk Săk          | Đức Minh               | 10,00                    | 7.747,500                                           | -1,72                              | 6.030,252                                            | 78                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2                        | Hồ Tây                         | TT Đắk Mil             | 3,85                     | 2.830,480                                           | -0,55                              | 2.385,714                                            | 84                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3                        | Hồ Núi lửa                     | Thuận An               | 4,00                     | 620,000                                             | -1,73                              | 266,261                                              | 43                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 4                        | Công trình Đập Đắk Puer        | Thuận An               | 4,00                     | 350,000                                             | -1,80                              | 166,400                                              | 48                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 5                        | Công trình Đập Đắk Goun thượng | Thuận An               | 5,20                     | 498,000                                             | -1,72                              | 274,135                                              | 55                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6                        | Công trình Đập Yok Lom         | Thuận An               | 6,55                     | 513,960                                             | -0,95                              | 426,875                                              | 83                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7                        | Công trình Đập Jun Juh         | Đức Minh               | 3,40                     | 618,680                                             | -0,92                              | 332,352                                              | 54                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8                        | Công trình hồ Đắk Sai          | Đắk Lao                | 8,00                     | 133,400                                             | -2,89                              | 82,839                                               | 62                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9                        | Công trình hồ Đắk Mбай         | Đắk Lao                | 4,56                     | 91,600                                              | -3,18                              | 42,723                                               | 47                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 10                       | Công trình hồ Đắk Ken (6B)     | Đắk Lao                | 3,00                     | 30,000                                              | -0,73                              | 17,176                                               | 57                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 2,3,4                |
| 11                       | Công trình hồ Đắk Louu         | Đắk Lao                | 8,50                     | 55,000                                              | <MNC                               | 7,300                                                | 13                                               | Hết nước                                | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 12                       | Công trình Đắk Rla             | Đắk N'DRót             | 4,00                     | 165,000                                             | -1,25                              | 89,219                                               | 54                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13                       | Công trình Đô Ry I             | Đắk Rla                | 8,00                     | 283,500                                             | -1,30                              | 212,978                                              | 75                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14                       | Công trình Đô Ry II            | Đắk Rla                | 12,70                    | 1.314,050                                           | -2,50                              | 956,894                                              | 73                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 15                       | Công trình Đắk NDRót           | Đắk N'DRót             | 7,50                     | 220,000                                             | -2,90                              | 105,552                                              | 48                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16                       | Công trình Đắk Láp             | Đắk Găn                | 4,00                     | 165,000                                             | -2,04                              | 53,412                                               | 32                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17                       | Công trình Đắk Goun            | Đắk N'DRót             | 3,70                     | 192,300                                             | -2,00                              | 81,390                                               | 42                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18                       | Công trình thủy lợi Mạnh Tiến  | Đức Mạnh               | 2,50                     | 50,000                                              | -0,26                              | 40,141                                               | 80                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 19                       | Công trình hồ Vạn Xuân         | TT Đắk Mil             | 3,00                     | 37,500                                              | 1,74                               | 18,741                                               | 50                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 20                       | Đập ông Truyền                 | Đức Minh               | 2,00                     | 30,000                                              | -0,90                              | 9,075                                                | 30                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 21                       | Đập ông Hiên                   | Đức Minh               | 3,00                     | 30,000                                              | -1,40                              | 8,533                                                | 28                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 22                       | Hồ E29                         | Đắk Săk                | 2,00                     | 720,000                                             | 0,01                               | 720,000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23                       | Đập Sapa (Hồ đội 3)            | Thuận An               | 2,00                     | 45,000                                              | -0,20                              | 39,200                                               | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 24                       | Hồ Bu Đắk                      | Thuận An               | 4,00                     | 475,000                                             | -0,75                              | 369,531                                              | 78                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 25                       | Hồ Nông trường Thuận An        | Thuận An               | 7,00                     | 315,000                                             | -2,60                              | 124,457                                              | 40                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 26                       | Hồ Lâm trường Thuận An         | Thuận An               | 6,00                     | 285,000                                             | -1,05                              | 207,431                                              | 73                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 27                       | Hồ Lâm trường Đắk Găn          | Đắk Găn                | 4,00                     | 61,250                                              | -2,05                              | 20,506                                               | 33                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 28                       | Hồ Thác Hôn                    | Đức Mạnh               | 10,00                    | 1.275,000                                           | -1,79                              | 1.019,316                                            | 80                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 29                       | Hồ Đội 2                       | Thuận An               | 4,80                     | 288,000                                             | -0,23                              | 261,061                                              | 91                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 30                       | Hồ Đội 1                       | Đắk Lao                |                          | 600,000                                             | -0,25                              | 551,042                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 31                       | Hồ Đội 35                      | Đắk Lao                |                          | 110,000                                             | -1,00                              | 80,200                                               | 73                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 32                       | Hồ Đội 40                      | Đắk Lao                |                          | 102,000                                             | -1,70                              | 33,724                                               | 33                                               | Không đảm bảo                           | Cà phê thiếu đợt 3,4                  |
| 33                       | Thọ Hoàng                      | Đắk Săk                | 4,80                     | 10,000                                              | 0,01                               | 10,000                                               | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| <b>VIII Huyện Cư Jút</b> |                                |                        |                          | <b>12.110,150</b>                                   |                                    | <b>5.610,336</b>                                     | <b>46,33</b>                                     |                                         |                                       |
| 1                        | Hồ Đắk Diêr                    | Cư Knia                | 6,40                     | 5.500,600                                           | -2,30                              | 2.852,850                                            | 52                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2                        | Hồ Đắk Đrông                   | Đắk Đ'rông             | 4,00                     | 3.766,700                                           | -2,46                              | 1.548,370                                            | 41                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 3                        | Hồ Buôn Buôr                   | Tâm thắg               | 1,40                     | 298,520                                             | -1,35                              | 282,320                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4                        | Hồ Cư Pu                       | Nam Dong               | 6,50                     | 424,000                                             | -6,35                              | 6,850                                                | 2                                                | Không đảm bảo                           |                                       |
| 5                        | Hồ Tiểu Khu 839                | Đắk Wil                | 3,10                     | 194,250                                             | -1,40                              | 98,110                                               | 51                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6                        | Hồ Tiểu Khu 840                | Đắk Wil                | 6,05                     | 614,060                                             | -2,00                              | 349,405                                              | 57                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7                        | Hồ Ea Dier                     | Đắk Đ'rông             | 3,90                     | 392,520                                             | -3,00                              | 91,590                                               | 23                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 8                        | Hồ Trúc Sơn                    | Trúc Sơn               | 6,70                     | 919,500                                             | -3,00                              | 380,840                                              | 41                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 9                        | Trạm bơm Ea Pô                 | Ea Pô                  |                          |                                                     |                                    |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 170                      | <b>TỔNG CỘNG:</b>              |                        |                          | <b>126.473,970</b>                                  |                                    | <b>105.178,490</b>                                   | <b>83,16</b>                                     |                                         |                                       |